TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:1246/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/10/2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hóa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2019/QĐST- HNGĐ ngày 16/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Tuấn L, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: 30/9 tổ 24, ấp Nam Thới, xã Thới Tam Thôn, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Kiều Ngô Gia Lệ Q, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: 30/9 tổ 24, ấp Nam Thới, xã Thới Tam Thôn, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn đề ngày 02 tháng 01 năm 2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – Ông Lưu Tuấn L trình bày:

Ông Lưu Tuấn L và bà Kiều Ngô Gia Lệ Q tự nguyện tìm hiểu, tiến tới xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2017 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/02/2017. Thời gian chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp tính tình, thường xuyên gây gỗ, cải vã nhau. vợ chồng sống ly thân gần 01 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm, yêu thương, chăm sóc

lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên ông L yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Lưu Gia Phúc Th, sinh ngày 25/9/2017. Ông L yêu cầu giao trẻ Phúc Thịnh cho bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Tại bản tự khai ngày 28/6/2019, biên bản hòa giải ngày 19/8/2019, bị đơn – bà Kiều Ngô Gia Lệ Q trình bày:

Bà Q thống nhất ý kiến với ông Long về việc vợ chồng tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L không chung thủy, thiếu quan tâm chăm sóc vợ con. Vợ chồng sống ly thân gần một năm nay, không còn tình cảm, không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên bà Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông L.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Lưu Gia Phúc Th, sinh ngày 25/9/2017. Bà Q yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Phúc Thịnh, ông Long cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 18.000.000đồng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

Bà Q đã đã được tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Lưu Tuấn L khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Kiều Ngô Gia Lệ Q và yêu cầu giao con cho bà Q nuôi. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con" nên theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn là bà Kiều Ngô Gia Lệ Q hiện đang cư trú tại địa bàn huyện Hóc Môn nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn có thẩm quyền giải quyết.

Bà Kiều Ngô Gia Lệ Q đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, ông Lưu Tuấn L và bà Kiều Ngô Gia Lệ Q tự nguyện tiến tới xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2017 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/02/2017.

Theo trình bày của ông Long thì hôn nhân giữa ông L và bà Q không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gỗ, xúc phạm nhau. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông L yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Q có đến tòa nhận thông báo thụ lý vụ án, trình bày lời khai, tham gia hòa giải, bà Q thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn là do ông L không chung thủy, thường xuyên gây gỗ, cải vả nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Q đồng ý ly hôn.

Tại biên bản hòa giải ngày 19/8/2019, ông L và bà Q đã thỏa thuận được tất cả các vấn đề trong vụ án nên tòa án lập biên bản ghi nhận tự nguyên ly hôn và hòa giải thành, nội dung cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Lưu Tuấn L và bà Kiều Ngô Gia Lệ Q thuận tình ly hôn

- Về con chung: Giao trẻ Lưu Gia Phúc Th, sinh ngày 25/9/2017 cho bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 18.000.000đồng.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không có.

Tuy nhiên, đến ngày 21/8/2019, ông L có đơn xin thay đổi ý kiến, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 18.000.000đồng, ông L chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 8.000.000đồng.

Theo kết quả xác minh, Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ông Lưu Tuấn L và bà Kiều Ngô Gia Lệ Q có sinh sống tại địa phương nhưng không trình báo về mâu thuẫn gia đình.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Q, ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn bà Q của ông L là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên là Lưu Gia Phúc Th, sinh ngày 25/9/2017. Ông L yêu cầu giao trẻ Thịnh cho bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy trẻ Phúc Th dưới 36 tháng tuổi, hiện đang sống chung ổn định với mẹ nên việc giao trẻ Phúc Th cho bà Q tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ông L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 8.000.000đồng mỗi tháng phù hợp với quy định tại điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận . Xét việc bà Q yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 18.000.000đồng không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên HĐXX không xem xét

- Nợ chung: Hai bên khai không có nên không xem xét.

3. Về án phí: Ông Lưu Tuấn L chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Tuấn L được ly hôn với bà Kiều Ngô Gia Lệ Q.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Lưu Gia Phúc Th, sinh ngày 25/9/2017. Giao trẻ Phúc Th cho bà Kiều Ngô Gia Lệ Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lưu Tuấn L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 8.000.000 (tám triệu)đồng. Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Thịnh đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

Kể từ ngày bà Kiều Ngô Gia Lệ Q có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu ông Lưu Tuấn L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định thì hàng tháng ông L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ cấp dưỡng. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Lưu Tuấn L chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được tính cấn trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí do ông L đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003404 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Ông L chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận : TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TANDTP.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện H;
- THA Dân sự huyện H;
- UBND X. T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Trọng Hóa